

TÍN NGƯỠNG MẪU LIỄU NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VĂN HÓA HỌC

ĐẶNG THẾ ĐẠI^(*)

Tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu là một hiện tượng tín ngưỡng - văn hóa đặc sắc, ra đời khá muộn, chỉ khoảng từ thế kỷ XV-XVI, nhưng đã có một địa vị quan trọng trong sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của dân tộc và phát triển trên hầu khắp các địa bàn của đất nước từ Bắc vào Nam. Lí do nó xuất hiện, vì sao nó trở nên phổ biến như vậy, cũng như sự hình thành và phát triển của nó phản ánh sự phát triển của tư duy tâm linh Việt như thế nào hẳn sẽ là những vấn đề mà chúng ta cần phải nghiên cứu.

Chúng ta dễ dàng đồng ý với nhiều tác giả hiện nay rằng, chính trên nền tảng của thờ nữ thần mà hình thành nên tín ngưỡng Mẫu Liễu. Song cũng cần thấy rằng tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu đã trở thành một thực thể tín ngưỡng riêng biệt, có một nội hàm riêng, khác biệt với việc thờ nữ thần cổ xưa. Vì vậy, chúng tôi cho rằng cần đối lập tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu với tục thờ nữ thần, tìm những nét khu biệt của nó và đánh giá đầy đủ yếu tố đó, trước khi đi đến trả lời những vấn đề đặt ra ở trên.

Tác giả có mong muốn bên cạnh việc làm rõ sự khác biệt của hình tượng Mẫu Liễu so với hình tượng các vị nữ thần khác và tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu so với tín ngưỡng thờ nữ thần nói chung, đồng

thời đặt tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu trong tương quan với một hiện tượng tín ngưỡng - văn hóa khác nảy sinh cùng thời đại để từ đó góp phần lí giải những câu hỏi đặt ra ở trên.

I

Từ góc độ văn hóa học, chúng ta có thể nhận thấy các nhà nghiên cứu trước nay đã đặt tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu trong hai dòng văn hóa khác nhau: tín ngưỡng thờ nữ thần và Đạo giáo dân gian.

1. Trước đây, các nhà nghiên cứu có xu hướng chỉ chú ý đến phương diện Đạo giáo dân gian, xem tín ngưỡng Mẫu Liễu thuộc về những biểu hiện dân gian của Đạo giáo. Hầu như họ không liên hệ tín ngưỡng Mẫu Liễu với dòng tín ngưỡng thờ nữ thần nói chung.

Xưa nhất, Thanh Hòa Tử, tác giả của *Hội Chân biên*, in vào năm thứ 7 đời Thiệu Trị (1847), xem Mẫu Liễu là một trong 4 vị thần bất tử (*Tứ bất tử*) cùng Thánh Gióng, Thánh Tản Viên, Chử Đồng Tử. Cách tôn vinh này dường như được nhiều người sau này, kể cả nhiều nhà nghiên cứu, đương nhiên coi như một sự thừa nhận chung của dân tộc, nhưng cá

^{*}. NCV. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

nhân tôi vẫn thắc mắc. Nếu coi chỉ có 4 vị thần này là bất tử thì tất nhiên không phải, vì các vị thần khác cũng bất tử. Nếu nói đây là những vị thần có địa vị cao quý nhất hay đáng tôn vinh nhất của dân tộc thì không lẽ Lạc Long Quân - Âu Cơ, cha mẹ chung của dân tộc, các vua Hùng có công dựng nước, các anh hùng cứu nước: Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, v.v... có địa vị kém hơn. Vì vậy, Tứ bất tử phải chăng chỉ là một cách tôn vinh cá biệt. Cá nhân tôi xem đây là vấn đề tồn nghi.

Đào Duy Anh trong *Việt Nam văn hóa sử cương* in từ 1938 xếp tín ngưỡng Mẫu Liễu vào hệ thống tín ngưỡng dân gian, cụ thể hơn là một loại *Đạo giáo dân gian*: trong mục VI - *Tín ngưỡng và tế tự*, gồm 4 tiểu mục là tế tự ở Gia tộc, Hương thôn, Quốc gia và trong Tế tự trong Dân gian, thì ông xếp tín ngưỡng “thờ Liễu Hạnh và chư vị” (như cách gọi của ông, hay cũng có lúc ông gọi giản đơn là “thờ Chư vị”) vào mục cuối, bên cạnh các hình thức thờ tổ nghề, thờ thần tự nhiên (đá, cây, ngũ hành, sơn xuyên, phong vũ lôi vân...), và ông viết: “Trong dân gian thì có nhiều tín ngưỡng và tế tự phức tạp lưu hành mà người ta thường dùng danh hiệu Đạo giáo để trùm phủ cả”⁽²⁾. Trong cái tín ngưỡng bao trùm này, có những “người chuyên thờ thánh Hưng Đạo (Thánh Trần) thường gọi là thanh đồng hay ông đồng” và “những người thờ chư vị thì gọi là đồng cốt, hay bà đồng”⁽³⁾. Ngoài hai loại trên, ông còn xếp vào đây phép phù cơ, tục gọi là phù tiên. Qua Đào Duy Anh, ta thấy tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu cùng đồng cốt (chư vị) và Thanh Đồng (thờ Trần Hưng Đạo), phù cơ (phù tiên), được xếp chung vào Đạo giáo dân gian.

Nguyễn Văn Huyền cũng quan niệm tương tự như Đào Duy Anh. Trong *Văn Minh Việt Nam* (1944), ông viết: “Một trong những biểu hiện sinh động nhất và dân gian nhất của đạo Lão là việc thờ Chư vị, tức là thờ những thần linh nữ và nam ở *ba thế giới, Tam phủ: Thiên phủ, Địa phủ và Thủy phủ*. Các nữ thần, Thánh Mẫu chiếm ở đây vai trò trội hơn hẳn so với các Đức Ông chỉ thấy ở một vài đền”⁽⁴⁾. (Lưu ý rằng khái niệm Tam phủ theo ông là Trời, Đất, Nước).

Toan Ánh trong *Nếp cũ Tín ngưỡng Việt Nam* gọi chung đồng cốt “là những người có căn thờ về Chư vị như Liễu Hạnh công chúa. Cửu thiên Huyền nữ, Thượng Ngàn công chúa...”⁽⁵⁾ và xếp nó vào *Những biến thể của đạo Lão*.

Nhiều tác giả khác cũng xếp tín ngưỡng Mẫu Liễu vào dòng Đạo giáo dân gian, nhưng cụ thể hơn là Nội đạo tràng (dòng Đạo giáo nảy sinh trong nước). Chẳng hạn, Nguyễn Đăng Thục coi cả Trần Hưng Đạo và Mẫu Liễu đều thuộc dòng đạo nội với Chử Đồng Tử là vị Tổ (Chử Đạo tổ). Ông dẫn thêm ý kiến của một nhà nghiên cứu nước ngoài để nói rõ hơn về dòng đạo nội: “Dòng Đạo Nội này theo E. Nordemann công nhận là một “tôn giáo Việt Nam, nửa thuộc Nho giáo, nửa thuộc Lão giáo, xuất hiện vào thế kỷ XIII sau trận chiến tranh độc lập do Hưng Đạo lãnh đạo chống với quân Tàu

1. Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hóa sử cương* (1938), bản in lại của Nxb. Văn hóa - Thông tin, 2000, tr. 266.

2,3. Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hóa sử cương*,... sđd, tr. 269.

4. Đào Duy Anh. *Văn Minh Việt Nam* (1944), Nxb. Hội Nhà Văn, 2005, tr. 350.

5. Toan Ánh. *Nếp cũ trong tín ngưỡng Việt Nam*, Quỳển Thượng, tr. 220.

xâm lăng do Ô Mã Nhi chỉ huy. Cuộc tranh đấu hơn mười năm khốc liệt đẫm máu. Tướng quân Việt Nam thắng trận. Từ thời ấy trở đi, Hưng Đạo ngoài huân dự Nho giáo triều đình phong ban còn được hưởng sự sùng bái của nhân dân trong dòng Nội Đạo, bên cạnh Đức Ngọc Hoàng, cùng với con trai, con gái, con rể và hai quan hầu cận. Sự sùng bái này phải nhận là không hẳn dâng lên cho người anh hùng quý phái ái quốc đã giải cứu được cho Tổ quốc khỏi ách ngoại lai, mà để dâng lên cho vị thần thông mãnh liệt kinh hồn danh tiếng vô địch. Còn Ô Mã Nhi với lũ quân cướp phá đối bại thì tín đồ Nội Đạo lấy làm tượng trưng cho ma quỷ tàn ác, tác hại mà luôn luôn họ phải cầu khẩn đến Hưng Đạo với chức tướng của ngài để khử trừ⁽⁶⁾.

Đạo Nội này liên hệ mật thiết với Nho giáo về vũ trụ quan luân lí, cách thưởng phạt và tín ngưỡng về đời sống bên kia thế giới. Nó liên hệ như Đạo giáo phần nào về chư vị thần linh, cũng như hình thức nghi lễ thờ cúng tại các đền, các điện. Nó cũng gần với Đạo giáo về tục bắt tà, bắt ma, nhưng ít dùng bùa yểm và bắt quyết. Văn cầu nguyện gồm vào “sáu bài gọi Văn Châu”. (Chrestomathi Annamite - Edmond Nordemann, Hanoi-Haiphong Imprimerie Extrême-Orient 1977)⁽⁷⁾.

Về khái niệm Tam phủ - Tứ phủ, Nguyễn Đăng Thục cho biết Tam phủ gồm Nhạc phủ, Thủy phủ, Địa phủ (Núi - Nước - Đất). Tứ phủ là kể thêm Thiên phủ (Thiên). Mẫu Liễu là Địa Mẫu Việt Nam, trên bà có Cửu Trùng Thánh Mẫu, dưới bà có Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Ngàn. Còn “Ngọc hoàng, Tiên chúa, Mẫu Thoải, Mẫu Thượng ngàn, đấy là Tứ phủ công đồng”⁽⁸⁾. Như vậy, Tam phủ ở đây lại là

Đất, Nước, Núi (khác Nguyễn Văn Huyền ở trên coi Tam Phủ là Trời, Đất, Nước), Tứ phủ thì thêm Trời.

Như vậy, với cách xếp tín ngưỡng Mẫu Liễu vào dạng Đạo giáo dân gian, hay cụ thể hơn nữa, dòng đạo Nội, tín ngưỡng Mẫu Liễu gắn liền với tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần, với tín ngưỡng đồng cốt.

2. Từ những năm 80 của thế kỉ trước trở lại đây, các nhà nghiên cứu (tạm coi là thế hệ mới) mặc dù vẫn xem xét tín ngưỡng Mẫu Liễu về phương diện Đạo giáo, nhưng có xu hướng nhấn mạnh nhiều hơn đến phương diện nữ thần. Đây rõ ràng là một điểm mới. Theo xu hướng đó, sự tôn vinh Mẫu Liễu trong giới nghiên cứu đã đến đỉnh điểm. Họ nâng tín ngưỡng Mẫu Liễu (hay có người coi rộng hơn là cả tín ngưỡng nữ thần) thành đạo Mẫu, hay đạo Tam Phủ.

Năm 1984, Đỗ Thị Hảo và Mai Thị Ngọc Chúc xuất bản cuốn *Các nữ thần ở Việt Nam*, (Nxb. Phụ nữ) lược kể chuyện tích 75 vị nữ thần tiêu biểu ở nước ta. Đây là có thể coi là sự mở đầu của xu

6. Nguyễn Đăng Thục. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1: *Tư tưởng bình dân Việt Nam*, phần IV: *Trường Đạo Nội*.

7. <http://dunglac.net/bai/tutuongvn-06.htm>
Về vấn đề Nội đạo tràng, có ý kiến ngược lại của PGS. Nguyễn Duy Hinh: “Xưa Nội Đạo tràng là một đạo tràng lập ra trong cung vua. Nay cơ sở này lập ở một làng có thượng sư chữa bệnh bằng phù phép cho vua, tuyệt nhiên không có nghĩa là Trường học Nội Đạo, coi đó là Đạo gọi là Nội Đạo” (*Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2003, tr. 728). Theo đó, khái niệm Nội đạo tràng không phải một dòng, một phái trong Đạo giáo, mà chẳng qua chỉ là một đạo tràng (vì có chữa bệnh cho vua, nên gọi nội đạo tràng), tức là một cơ sở tu luyện, tàng trữ các sách vở, kinh kệ của Đạo giáo, Phật giáo.

8. <http://dunglac.net/bai/tutuongvn-06.htm>: Nguyễn Đăng Thục, sdd.

hướng này, mặc dù các tác giả chưa nhắc đến khái niệm đạo Mẫu.

Tiếp đó, Đinh Gia Khánh và nhất là Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh, Đặng Văn Lung thừa nhận tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu là một tôn giáo - đạo Tam phủ.

Về mối quan hệ Mẫu Liễu với các nữ thần khác, Vũ Ngọc Khánh viết: “Các mẹ như Mẹ Đất, Mẹ Xứ Sở, Mẹ Lúa, Mẹ Núi, Mẹ Rừng, Mẹ Chim tồn tại ở nhiều dân tộc ít người [...]. Ở dân tộc Việt cũng vậy. Trong bao nhiêu bà mẹ ở nhiều cấp độ như vậy, đạo Tam phủ đã quy vào các Mẫu lớn nhất: Mẹ trên Trời (Mẫu Cửu Thiên huyền nữ), Mẹ Núi Rừng (Mẫu Thượng Ngàn), Mẹ Sông Biển (Mẫu Thoải) [...]. Ba vùng Trời, Non, Nước đã có các mẹ chủ trì. Cần phải cho sinh vật trên chốn trần gian này một bà Mẫu nữa. Mẫu đó chính là Liễu Hạnh⁽⁹⁾. “Nét riêng rất đáng nghiên cứu, bà Mẫu Liễu Hạnh là một bậc mẹ, nhưng không phải là Mẹ Đất, Mẹ Xứ Sở hay Mẹ Sáng tạo. Sinh ra con người, phát triển nòi giống đã có các bà mẹ khác: Bà Âu Cơ của Việt, bà ý Cặp ý Kề của Thái, bà Sao Cải của Tày, bà Inư Nugar của Chăm. Mẹ Liễu Hạnh không làm công việc sáng tạo ấy. Bà thực sự là con người trần gian được nâng lên thành nữ thần, vì bà là biểu tượng cho sức sống giải phóng, cho tự do, cho lòng nhân đạo. Thì cũng chính vì những phẩm chất này, mà bà lại trở thành “Mẫu nghi thiên hạ”. Thế là có đủ bốn cõi cần thiết cho nhu cầu tín ngưỡng của con người⁽¹⁰⁾. Chú ý thêm rằng khái niệm Tam phủ ở đây được hiểu là Trời, Núi Rừng, Nước. Phủ thứ tư là Trần gian.

Đinh Gia Khánh trong cuốn *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á* (Nxb. KHXH, H. 1993)

cho thấy việc gọi tín ngưỡng này là đạo còn có những bất cập nhưng đưa ra một “lộ trình” phát triển từ tín ngưỡng nữ thần thành đạo Mẫu: “Tuy được gọi là đạo, nhưng hệ thống tín ngưỡng Tam phủ và Tứ phủ chưa trở thành một tông giáo đích thực vì *thiếu một cơ sở giáo lý gắn với một thế giới quan hoàn chỉnh* (người trích nhấn mạnh). Đạo Tam phủ hình thành trên cơ sở tục thờ nữ thần vốn có từ lâu đời và cho đến mãi gần đây vẫn còn phát triển trong dân gian. Từ việc thờ các nữ thần của núi rừng, sông suối, đồng điền, thổ địa, cửa mây, mưa, sấm, chớp, v.v..., các người làm nghề thầy cúng đã khái quát lên thành ba vị nữ thần gọi là ba vị Mẫu ngự trị Cõi Trời (Mẫu Cửu Thiên), cõi Núi Rừng (Mẫu Thượng Ngàn), cõi Sông Biển (Mẫu Thủy hoặc Mẫu Thoải). Đó là Tam phủ: Thiên phủ (Trời), Nhạc phủ (Núi Rừng), Thủy phủ (Sông Biển). Đến thế kỉ XVI lại có thêm Mẫu Liễu Hạnh (tức bà Chúa Liễu) xuất thân từ cõi nhân gian... Mẫu Liễu Hạnh sinh ra trong cõi nhân gian và sau khi chết được thờ làm thần linh và trở thành vị Mẫu của Nhân phủ. Thế là đạo Tam phủ phát triển thành đạo Tứ phủ (Thiên phủ, Nhạc phủ, Thủy phủ, Nhân phủ)⁽¹¹⁾. Hay “đạo Tam phủ... tuy được gọi là đạo nhưng không phải là tôn giáo đích thực⁽¹²⁾. Qua trình bày của ông thì Tam phủ Trời - Rừng - Sông Biển đã có từ trước và đến thế kỉ XVI thì xuất hiện Nhân phủ với Mẫu Liễu Hạnh thành Tứ

9. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Văn Ty (chủ biên). *Văn Cát thần nữ*, Nxb. Văn hóa Dân Tộc, H, 1990, tr. 17.

10. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Văn Ty (chủ biên). *Văn Cát thần nữ*,... Sđd, tr. 18.

11. Đinh Gia Khánh. *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á*, Nxb. KHXH, H. 1993, tr. 132.

12. Đinh Gia Khánh... Sđd, tr. 286.

phủ. Ở đây, ta thấy khái niệm Tam phủ - Tứ phủ có sự khác biệt với sự trình bày của một vài người khác.

Đặng Văn Lung và Ngô Đức Thịnh, những tác giả đầu tiên, dùng khái niệm thần chủ để gọi địa vị của Mẫu Liễu trong “Đạo Mẫu”. Dân gian không ai dùng khái niệm này (họ gọi bà là Tiên Chúa, Thánh Mẫu, Công chúa... không nói lên địa vị của Mẫu Liễu trong hệ thống thần điện). Xét về thứ bậc, địa vị của Mẫu Liễu trong hệ thống thần điện tín ngưỡng Tam phủ - Tứ phủ cũng không phải là cao nhất. Mẫu không phải là thần tối cao. Nhưng muốn xem tín ngưỡng này là đạo Mẫu thì Mẫu phải có vị trí quan trọng nhất. Có lẽ vì các tác giả đi theo xu hướng này nên đưa ra khái niệm thần chủ.

Đặng Văn Lung trong các công trình tiêu biểu như cuốn *Tam tòa Thánh Mẫu* (Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 1991), các bài báo *Đôi điều về tín ngưỡng Mẫu Liễu* (Tập chí *Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật* (Bộ VH-TT và TT), 1991 - số 03 (98), tr. 21-26), *Thử lí giải thần thoại “Cha Rồng - Mẹ Tiên”* (tạp chí nói trên, số 08 (182), tr. 53-57), và cuốn sách thực sự thể hiện công phu và những suy nghĩ gần đây nhất của tác giả là *Văn hóa Thánh Mẫu* (Nxb. Văn hóa - Thông tin, H. 2004), xem Mẫu Liễu “gắn bó mật thiết với giai đoạn trưởng thành của tư duy dân tộc”⁽¹³⁾, là Mẹ Đất phát triển qua các giai đoạn phát triển của dân tộc: một là “Mẫu Mị Châu, đúc kết biểu trưng Mẹ Đất từ nguyên thủy đến hết thiên niên kỉ I trước CN”, hai là Mẫu Ý Lan, “đúc kết sự chuyển hóa từ Mẹ Đất thành Mẹ Nước (nước cho nông nghiệp và nước - Tổ quốc) từ thiên niên kỉ I đến đầu thiên niên kỉ II có nghĩa là

từ khi triều Lý mở ra công cuộc phục hưng văn hóa vĩ đại”, và ba là Mẫu Liễu Hạnh “chất chứa quá trình phát triển tín ngưỡng Mẹ từ thuở khai sinh cho đến khi nhen nhóm ý thức tạo ra một tôn giáo độc đáo cho dân tộc: ĐẠO MẪU, ở giữa thế kỉ XV [...] đó là từ khi đất nước mở rộng và thống nhất từ Nam Quan đến mũi Cà Mau. Lúc này văn hóa các địa phương các vùng miền các dân tộc đã chung văn hóa Mẫu của mình lại để đúc thành một biểu trưng lớn nhất”⁽¹⁴⁾.

Ngô Đức Thịnh là người có nhiều công trình nghiên cứu về tín ngưỡng Mẫu Liễu trong các sách như *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, (Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1993, gồm 2 tập), *Đạo Mẫu và các hình thức shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á* (Nxb. KHXH, H. 2004, tập hợp các bài từ hội thảo quốc tế “Tín ngưỡng thờ Mẫu và lễ hội Phủ Dầy” từ 30/3 đến 2/4/2001 tại Hà Nội), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng* (Nxb. KHXH, H. 2001) cùng nhiều bài báo như *Nhận thức về đạo Mẫu và một số hình thức Shaman của các dân tộc nước ta* (Thông báo khoa học, số 3 - 7/2001, Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật), *Thờ Mẫu và các hình thức hầu bóng, múa bóng ở Nam Bộ* (Tập chí Văn hóa Nghệ thuật số 1.2005)... Theo ông, đạo Mẫu không chỉ là một hình thức tín ngưỡng đơn nhất, mà là một hệ thống các tín ngưỡng bao gồm ba dạng thức cơ bản: Thờ Nữ thần, thờ Mẫu thần và thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Quá trình hình thành và phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu này cũng mang tính đa chiều: Từ thờ Nữ

13. Đặng Văn Lung. *Văn hóa Thánh Mẫu*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H. 2004, tr. 366.

14. Đặng Văn Lung... Sđd, tr. 7.

thần là nền tảng dần hình thành nên tục thờ Mẫu thần và Mẫu Tam phủ, Tứ phủ; ngược lại, sau khi Mẫu Tam phủ, Tứ phủ đã hình thành khoảng thế kỉ XVI-XVII (từ tục thờ nữ thần bản địa và ảnh hưởng của Đạo giáo Trung Hoa) thì nó ảnh hưởng trở lại, “*Tam phủ, Tứ phủ*” hóa tục thờ Mẫu thần và Nữ thần nguyên thủy.

Tóm lại, theo Ngô Đức Thịnh, đạo Mẫu hay “đạo Tam phủ - Tứ phủ” (các cách gọi của ông), bao gồm cả tín ngưỡng thờ nữ thần, hình thành từ tín ngưỡng thờ nữ thần bản địa dưới ảnh hưởng của Đạo giáo Trung Hoa. (Cá nhân tôi thấy ông phân biệt thờ nữ thần với thờ Mẫu thần là chưa thật thuyết phục, vì cảm nhận thấy ở Việt Nam, các nữ thần hầu như đều được coi như Mẹ - Mẫu).

Như vậy, từ góc độ tín ngưỡng thờ nữ thần, tín ngưỡng Mẫu Liễu là sự tiếp tục của một tín ngưỡng có từ cổ xưa của người Việt. Mẫu Liễu là một nữ thần xuất hiện muộn trong danh sách các nữ thần từ Âu Cơ, Mẹ Lúa, Mẹ Hoa, Man Nương - Tứ pháp, Hai Bà Trưng cùng các nữ tướng, Y Lan... đến rất nhiều nữ thần khác được thờ như các tổ nghề, các thần làng (sau trở thành các thành hoàng).

3. Những nhà nghiên cứu thuộc thế hệ mới nói trên, trong khi nhấn mạnh về phương diện nữ thần của tín ngưỡng Mẫu Liễu, cũng vẫn nghiên cứu phương diện “biến thể của Đạo giáo dân gian” của tín ngưỡng này, nhưng từ góc độ nội dung của bản thân tín ngưỡng Mẫu Liễu mà ít chú ý lí giải nó về phương diện tiếp xúc hay giao thoa của hai dòng tín ngưỡng - nữ thần và Đạo giáo dân gian. Do đó, những nội dung của dòng Đạo giáo dân gian nhiều khi được gộp chung vào tín ngưỡng Mẫu Liễu, khi đó người

ta cho rằng tín ngưỡng Tam phủ - Tứ phủ bao gồm trong đó cả tín ngưỡng Mẫu Liễu, cả tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần và đồng cốt... Người ta nói đến phủ Trần triều như một trong các phủ của tín ngưỡng chung này. Và chúng ta không khỏi thấy gượng ép khi xem Mẫu Liễu là thần chủ của cả cái tín ngưỡng Tam phủ - Tứ phủ ấy.

4. Từ việc phân định hai góc độ tiếp cận có phần khác nhau của các thế hệ nghiên cứu giúp cho chúng ta dễ dàng thấy hơn có sự hội nhập của hai dòng văn hóa tín ngưỡng trong tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu: một là Đạo giáo dân gian, với cái tín ngưỡng biểu lộ dễ nhận thấy như đồng cốt, và hai là tín ngưỡng thờ nữ thần cổ xưa của người Việt. Việc nhấn mạnh vào phương diện nào trong hai phương diện ấy có thể đưa chúng ta đến những hình dung về tín ngưỡng này khác nhau.

II

1. So với tất cả các nữ thần xuất hiện trước đấy, Mẫu Liễu là một hiện tượng rất khác lạ.

Hầu hết các nữ thần Việt Nam đều là những người có công lao lớn với dân tộc và nhân dân. Đó là Âu Cơ - người mẹ chung của dân tộc, là các nữ thần tổ nghề dạy dân trồng cây, dệt vải, nuôi tằm..., là Hai Bà Trưng cùng các nữ tướng của mình như Ngọc Phượng, Khâu Ni, Bát Nạn, Phật Nguyệt... hay là Y Lan, Đô Hồ phu nhân..., những thôn nữ bình thường trở thành công chúa, bà hoàng có công chống xâm lăng. Khác với họ, Mẫu Liễu chỉ là một người phụ nữ bình thường, không có địa vị cao sang của công chúa, hoàng hậu, không có công lao trong sản xuất, chống thiên tai, chống

xâm lăng. Mẫu Liễu cũng chẳng phải một nhân vật kì vĩ khổng lồ như bà Vũ Thúng, bà Khổng Ôn. Nhưng vì sao Mẫu Liễu lại trở thành vị nữ thần được thờ phụng nhiều nhất, phổ biến nhất, được tôn vinh là Mẫu Nghi Thiên Hạ. Rõ ràng đây là một câu hỏi cần lí giải.

Mẫu Liễu là con người chẳng những không có sự nghiệp lớn lao mà thậm chí đời sống cá nhân còn thua thiệt so với những người bình thường. Lần đầu thai thứ nhất, Mẫu Liễu là người phụ nữ cô đơn (cha mẹ đã mất, không có chồng con) và mất sớm, năm bà 40 tuổi. Lần đầu thai thứ hai, đang khi cuộc sống chồng con hạnh phúc chưa được hưởng thụ bao nhiêu, bà cũng *chết trẻ*, ở tuổi 21, cũng không bệnh mà mất nên đầy oan ức. Lần đầu thai thứ ba, cũng giống lần thứ hai, hạnh phúc với chồng là chàng Mai Sinh (kiếp sau của Đào Lang) cùng con trai chưa bao lâu đã đến hạn phải về Trời. Đúng như tác giả của *Tranh Đạo giáo ở Bắc Việt Nam* nhận xét: “Theo truyền thuyết, Liễu Hạnh có gốc gác là một trích tiên giáng trần. Đầu thai ba lần xuống trần gian, có sắc đẹp và trí thông minh của một tiên nữ, mà nhân thọ sớm chấm dứt. Ba lần tái sinh mà không trọn vẹn một kiếp đời. Sống không đủ để hưởng hạnh phúc vui vầy lứa đôi với hai đời chồng. Chết rồi mà vẫn chưa yên dạ với con thơ. Điển hình về chết yểu”; “Bà có đầy đủ các đặc điểm huyền linh của các cô hồn, được đúc kết lại trong tín ngưỡng dân gian. Là kết tinh tư duy, hình tượng về các cô hồn: đủ loại các cô các cậu. Và các cô các cậu đã trở thành thị thần, quân gia của bà Chúa Cô Hồn: công chúa Liễu Hạnh”⁽¹⁵⁾.

Thứ hai, *hầu hết các nữ thần khác đều là những nhân vật giản đơn trong kí ức nhân dân, tính cách cá nhân của họ thường không rõ rệt và một chiều. Mẫu Liễu rất khác*. Mẫu Liễu vừa như một người phụ nữ hiền thực, yêu chồng thương con, đảm đang buôn bán, có tình yêu và khát vọng sống hạnh phúc như một người bình thường, vừa như một người tinh quái ngang ngược, thích trêu ghẹo người đời, thậm chí có khi chủ động gây tai ương cho dân chúng. Cũng có lúc Mẫu yếu đuối (lo sợ trước kẻ mình chưa biết), cũng có lúc Mẫu ngây thơ bị Tiên Quan Thánh lừa thu hết phép và bị bắt. Trong truyện dân gian, đến cả anh chàng Trạng Quỳnh người trần cũng dám lừa Mẫu xin tiền, thuê ruộng. Hình như lúc ấy Mẫu không còn là vị thần quyền uy có pháp thuật cao cường, sẵn sàng trừng phạt những kẻ dám bỡn cợt bà, dù đó là hoàng tử. *Trong tâm thức dân gian, khác với những vị thần khác, Mẫu Liễu có những phẩm chất của người phụ nữ bình thường*.

Chính vì những phẩm chất như vậy, Mẫu Liễu trở thành vị nữ thần *dậm tính người nhất, và gần gũi với người nhất*.

Đặc biệt, *tính chất phản kháng* của Mẫu Liễu là một nét tính cách hoàn toàn mới. Bà không phải là người phụ nữ cam chịu và chấp nhận số phận, mà luôn luôn *chống lại số phận*. Hết hạn ở trần, Bà vẫn tìm cách quay trở lại, chăm sóc cho cha mẹ, chồng con. Thái độ chống đối của bà đối với những câu thúc của Nho giáo rất rõ ràng. Chẳng hạn, trong chuyện lấy chồng: lúc đầu không thích lấy chồng,

15. Phan Ngọc Khuê. *Tranh Đạo giáo ở Bắc Việt Nam*, Nxb. Mỹ Thuật, H, 2001, tr. 14.

rồi sau lấy chồng không cần mai mối. Những câu bà nói cùng Mai Sinh là thái độ phản ứng của một nền văn hóa coi trọng sự thực trước “hư danh”, trước sự câu nệ “lễ nghi lặt vặt” (lời Mẫu Liễu) của Tống nho đang được người đời tôn sùng. Thái độ đối với ông vua thần Nho giáo cũng không phải là tuân phục: Bà chống lại triều đình nhằm buộc triều đình phải thừa nhận mình. Cuộc đấu tranh của Bà với triều đình đã buộc triều đình phải nhượng bộ. *Tất cả những điều ấy đều nói lên một sự xung đột văn hóa và chính trị, một bên là Nho giáo và triều đình quân chủ tập quyền, một bên là văn hóa và tín ngưỡng dân gian với quyền tự quản của địa phương. Tín ngưỡng Mẫu Liễu vừa phản ánh vừa là kết quả của cuộc đấu tranh ấy, khẳng định sự thắng lợi của tín ngưỡng và văn hóa dân gian trước sự nô dịch về văn hóa.*

2. Tín ngưỡng Mẫu Liễu và tín ngưỡng Thành hoàng

Các nhà nghiên cứu hiện nay xét theo năm sinh của Mẫu Liễu trong sự tích thì lần giáng sinh lần thứ nhất là 1434, lần thứ hai là 1557, theo đó cho rằng thời điểm hình thành tín ngưỡng Mẫu Liễu khoảng từ cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI. Đây là thời kì dân tộc ta có bước thay đổi lớn về văn hóa. Trước đấy, thời Lý - Trần, các triều đình phong kiến đều coi trọng Tam giáo. Nho giáo chưa có vai trò là hệ tư tưởng chủ đạo, thậm chí, địa vị của Phật giáo còn được đặt cao hơn. Các vị vua Lý - Trần đều say mê Phật giáo. Bên cạnh đó, văn hóa và tín ngưỡng dân gian chưa bị giới Nho sĩ phê phán gay gắt. Sau khi đánh đuổi giặc Minh, triều đình nhà Lê có xu hướng ngày càng đưa Nho giáo thành hệ tư tưởng độc tôn. Ông vua anh

hùng Lê Thánh Tông (1460-1497), trong khi đề cao Nho giáo nhằm xây dựng một chế độ trung ương tập quyền hùng mạnh theo hướng chuyên chế, cũng đồng thời hạ thấp vai trò của Phật giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian. Đây cũng là thời đại nảy sinh một hiện tượng tín ngưỡng và văn hóa khác rất đáng chú ý: tín ngưỡng Thành hoàng làng.

Đặt Mẫu Liễu trong tương quan với các hiện tượng văn hóa cùng thời đại, ta thấy tín ngưỡng Thành hoàng thực sự là hiện tượng tương xứng về quy mô và tầm vóc với hiện tượng Mẫu Liễu. Cả hai nảy sinh vào cùng một thời điểm, đều kế thừa những tín ngưỡng truyền thống, đều nhanh chóng phổ biến ra toàn quốc, trở thành những tín ngưỡng phổ biến nhất và đã chứng tỏ sức sống của chúng cho đến nay.

Nhưng nếu thoát nhìn thì tín ngưỡng Mẫu Liễu và tín ngưỡng Thành hoàng là hai tín ngưỡng hoàn toàn khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau.

Tín ngưỡng Thành hoàng gắn mật thiết với Nho giáo, được tầng lớp Nho sĩ ủng hộ, tán thành, vun đắp, gắn với chế độ phụ quyền, có liên hệ rõ ràng với văn hóa phụ quyền của Phương Bắc (coi trọng đàn ông). Còn Mẫu Liễu gắn với đồng cốt, bị Nho giáo phê phán, đề cao phụ nữ, được phụ nữ ủng hộ, là sự tiếp nối tục thờ nữ thần cổ xưa, là ánh hồi quang của chế độ mẫu quyền Đông Nam Á.

Vậy vì sao hai hiện tượng đối ngược nhau lại nảy sinh và đồng hành cùng nhau? Vì sao người nông dân Việt Nam lại đồng thời chấp nhận cả hai thứ tín ngưỡng rất khác nhau như vậy? Hay nói cách khác, hai thứ tín ngưỡng thể hiện ra hết sức khác nhau ấy sao lại có thể

đồng thời đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người nông dân Việt? Hẳn là phải có điểm chung giữa chúng.

Đây thực sự là một câu hỏi về văn hóa.

Trong bài khác (*Tính chất hai mặt của tín ngưỡng Thành hoàng làng*), chúng tôi đã trình bày suy nghĩ của mình về sự hình thành, phát triển, phổ biến của loại hình tín ngưỡng này: trước thời Hậu Lê, khi Nho giáo chưa có vai trò thống trị, vấn đề kiểm soát tín ngưỡng bản địa chưa đặt ra gay gắt, việc thờ cúng thần làng vốn có từ cổ xưa không bị phê phán từ phía Nho giáo. Nhà nước Lý - Trần còn chưa thực sự kiểm soát đến các làng. Từ thời Hậu Lê trở đi, với sự thăng thế của Nho giáo và tính chất sùng bái ông vua - thần của nó, cùng với sự tăng cường quyền lực của nhà nước tới các làng, đã làm gay gắt thêm mối mâu thuẫn giữa Nho giáo với văn hóa và tín ngưỡng bản địa, giữa nhà nước tập quyền với tính tự quản của các làng. Tín ngưỡng Thành hoàng ra đời là nhằm đáp ứng một đòi hỏi đặt ra lúc đó: Công cuộc xây dựng một quốc gia thống nhất và hùng mạnh, đủ sức đương đầu với nguy cơ tấn công từ Phương Bắc đã hướng các triều đình phong kiến Việt Nam đến chỗ chủ động tiếp thu Nho giáo. Nhưng với Nho giáo, triều đình Trung ương tập quyền không thể chấp nhận lệ làng, vua không thể chấp nhận thần dân thờ một ai khác ngoài mình, và do đó, chẳng những tín ngưỡng bản địa mà cả phong tục làng (lệ làng) vốn tồn tại như một thuộc tính văn hóa của làng sẽ là một sự thách thức uy quyền của ông vua, của triều đình. Bằng việc phong Thành hoàng cho vị thần làng, vị thần này chính thức trở thành một thần quan của nhà nước, dẫn đến sự

ra đời của tín ngưỡng Thành hoàng và ngôi đình, mâu thuẫn đó được dung hòa. Mâu thuẫn đó là mâu thuẫn cả về chính trị, văn hóa và tín ngưỡng. Bởi vậy, đình và tín ngưỡng Thành hoàng cũng tích hợp trong nó cả các chức năng chính trị, văn hóa và tín ngưỡng. Không phải tự nhiên mà Hội làng và các tập tục, các trò chơi dân gian mang dấu ấn của tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng nông nghiệp cổ vốn gắn với tín ngưỡng thờ thần làng cổ xưa giờ đây lại nấp bóng vị thần Thành hoàng và ngôi đình để tồn tại, vượt qua được sự phê phán gay gắt từ phía Nho giáo. Chính nhờ đáp ứng nhu cầu có tính chất thời đại như vậy mà tín ngưỡng Thành hoàng đã mau chóng trở nên phổ biến đến mức hầu như làng nào cũng có đình thờ tín ngưỡng Thành hoàng.

Thiết nghĩ, lí do cho sự ra đời của tín ngưỡng Mẫu Liễu cũng rất tương đồng.

Tín ngưỡng Mẫu Liễu là sản phẩm của sự xung đột rồi nhượng bộ lẫn nhau giữa các tín ngưỡng dân gian với Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo. Cuộc chiến Sùng Sơn là một hình ảnh về sự xung đột và nhân nhượng để đi đến hòa hợp, mà thoát đầu, Nho giáo (đại diện là triều đình) chủ động cấu kết với Đạo giáo (Tiền Quan Thánh) nhằm dẹp bỏ tín ngưỡng dân gian nhưng kết quả là phải nhượng bộ với sự dàn xếp của Phật giáo (Phật Bà). Tín ngưỡng Mẫu Liễu xét đến cùng là sự khẳng định rằng các tín ngưỡng tôn giáo đều có thể tồn tại cùng nhau, thậm chí có thể hài hòa với nhau, dung nạp nhau, vừa độc lập vừa phụ thuộc nhau. Sự hiện diện của điện Mẫu trong các chùa thờ Phật, của các điện Phật trong các phủ thờ Mẫu là bằng chứng hiển nhiên cho điều ấy. Những tín ngưỡng dân

gian cổ xưa hội nhập vào tín ngưỡng thờ Mẫu để cùng tồn tại: tục thờ người chết trẻ - bà cô, ông mãnh, những tục thờ rắn (Ông Lốt), Thần Hồ, Thần Sông, Thần biển - Vua cha Bát Hải, thờ cây - liễu, hạnh, mai, quế, quỳnh, đào (tên các nhân vật trong những truyền thuyết về Mẫu Liễu)... Đồng cốt vốn là đối tượng bị phê phán gay gắt từ phía Nho giáo đã tìm được cách bảo tồn qua con đường liên kết với tín ngưỡng nữ thần cùng các tín ngưỡng cổ xưa khác trong sự hình thành tín ngưỡng Mẫu Liễu hoặc liên kết với sự kính ngưỡng anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo để hình thành tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần với dòng Thanh đồng.

Đóng vai trò trực tiếp của quá trình này có lẽ là chính các thầy cúng, các ông đồng, bà cốt, thông qua các cuộc lên đồng, mời các thần về chứng đồng, giáng đồng hoặc nhập đồng. Việc các Thánh Mẫu về chứng đồng cho các thần cấp thấp hơn nhập đồng có lẽ phản ánh quá trình hình thành nên sự kết hợp ấy: tín ngưỡng thờ Mẫu che chở cho “đồng cốt quàng xiên”, bảo hộ, chứng giám cho các ông Hoàng, các Quan, các Châu, các cô, các cậu... Về phía mình, tín ngưỡng thờ Mẫu nắm lấy đồng cốt để dung hợp các tín ngưỡng khác thành hệ thống mới. Nếu không có đồng cốt, các Mẫu vẫn chỉ là các vị thần đơn lẻ. Với đồng cốt, tín ngưỡng Mẫu Liễu trở thành một tín ngưỡng mở, mọi vị thần đều có thể gia nhập. Sự ra đời của Mẫu Liễu, sự dung hợp của tín ngưỡng Mẫu Liễu với các tín ngưỡng cổ xưa, kết hợp với quan niệm về vũ trụ trong dân gian chịu ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo đã đưa đến hệ thống Tam-Tứ phủ.

Với đồng cốt, tín ngưỡng thờ nữ thần cũng tìm được hình thức giao tiếp gần gũi giản dị giữa người và thần, nửa gián

tiếp, nửa trực tiếp, từ đó dễ dàng tích hợp các hình thức nghệ thuật diễn xướng dân gian để phát triển và có được diện mạo như ngày nay.

Có thể nói, trong tín ngưỡng Mẫu Liễu, các yếu tố của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo ngoại lai đã được chọn lọc, Việt hóa, hòa với các yếu tố bản địa, trở thành những thành tố của văn hóa Việt, làm phong phú thêm văn hóa Việt, góp phần đưa nó phát triển lên một trình độ mới. *Các hình thức tín ngưỡng cổ xưa khác nhau của dân tộc tích hợp trong tín ngưỡng Mẫu Liễu là nền tảng nhờ đó tín ngưỡng Mẫu Liễu đáp ứng tâm thức của người Việt Nam.*

Từ góc độ văn hóa học, chúng ta đã thấy được điểm thống nhất giữa tín ngưỡng Thành hoàng và tín ngưỡng Mẫu Liễu. Xét sâu xa hơn thì thấy cả tín ngưỡng Mẫu Liễu lẫn tín ngưỡng Thành hoàng đều là sản phẩm của tiếp xúc văn hóa, là kết quả của sự dung hòa mâu thuẫn về văn hóa, là cách phản ứng của tín ngưỡng bản địa, sự tự vệ của tín ngưỡng bản địa trước văn hóa ngoại lai một cách rất Việt Nam: có đấu tranh, có tiếp thu, có hòa giải, mềm mại, dung hòa nhưng vẫn giữ được văn hóa và tín ngưỡng bản địa, giữ được bản sắc. Xét đến cùng, cả tín ngưỡng Mẫu Liễu và tín ngưỡng Thành hoàng đều là sự tiếp tục của tín ngưỡng bản địa, khẳng định sức sống trường tồn của nó trong bối cảnh tiếp xúc, đổi mới về văn hóa.

* * *

Như vậy, sức hấp dẫn của tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu xét đến cùng xuất phát từ cội nguồn văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, hiện tượng Mẫu Liễu còn phản ánh những đổi thay của thời đại trên những

bình diện khác nữa. Hệ thống giá trị của thời đại có sự thay đổi. Nếu trước kia, người ta chỉ đề cao sự vĩ đại, thì giờ đây người ta biết quý trọng sự bình thường, giản dị, biết quý trọng những hạnh phúc giản đơn của con người: buôn bán, làm ăn, lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái. Và nhân vật tiêu biểu của khát vọng về hạnh phúc giản dị ấy, nhân vật làm nên cái cuộc sống giản dị cho mỗi gia đình, cho cả xã hội, chính là người phụ nữ, và qua hình tượng Mẫu Liễu, nhân vật ấy được đưa lên địa vị cao quý nhất Mẫu nghi thiên hạ. Điều đó phản ánh sự trưởng thành của tư duy dân tộc lên một bước mới vượt hẳn so với thời đại trước đó.

Từ những trình bày trên, tôi cho rằng không có cái gọi là đạo Mẫu, chỉ có tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu. Tính chất dân gian của tín ngưỡng này là không thể nghi ngờ, nhất là sự thiếu hệ thống, không nhất quán (chẳng hạn, điều đó dẫn đến những giải thích khác nhau về Tam phủ, Tứ phủ ở ngay những nhà nghiên cứu, rồi vị thần Đức vua Cha cũng đôi khi có cách hiểu khác nhau, bản thân “thần chủ” Mẫu Liễu là thánh, là địa tiên, là thiên tiên ở nhân phủ hay thiên phủ, v.v...).

Tín ngưỡng Mẫu Liễu tồn tại như một trong nhiều tín ngưỡng khác của tín ngưỡng dân gian, tồn tại đan xen trong các hệ thống tôn giáo khác nhau như Phật giáo và Đạo giáo. Bản thân nó tích hợp những tín ngưỡng dân gian cổ xưa, trong đó nổi bật nhất là tín ngưỡng thờ nữ thần, tục đồng cốt, thờ người chết trẻ, thờ hổ, thờ rắn, thờ cây... Với tín ngưỡng Mẫu Liễu và tín ngưỡng thờ Đức Thánh

Trần, tín ngưỡng dân gian Việt chịu ảnh hưởng của Đạo giáo và Phật giáo nhưng đã thoát ra, vượt lên, cố gắng hệ thống hóa thần diện của mình, dù vẫn còn chấp nhận những vị thần “bê trên” như Ngọc Hoàng Thượng Đế của Đạo giáo Trung Quốc, Phật Tổ của Phật giáo, nhưng các vị thần Việt đã trở thành những vị thần độc lập, lấn lướt hoàn toàn trong tâm thức tín ngưỡng, trong thực tế thờ cúng của người dân, đến mức như “thần chủ” - theo cách gọi của một số nhà nghiên cứu nói trên. Lối kết hợp chùa - điện Mẫu cho thấy một nét độc đáo của văn hóa Việt Nam: nhiều hiện tượng văn hóa Việt Nam có dáng vẻ bên ngoài ngoại lai, nhưng nội dung, bản chất của nó là Việt Nam.

Nếu các vị nữ thần cổ xưa là biểu tượng của sự thống nhất nòi giống dân tộc (như Âu Cơ), của sự dung hợp văn hóa (như Man Nương), của các sức mạnh thiên nhiên (như Tứ Pháp), của cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc về chính trị (Hai Bà Trưng, Ý Lan cùng các nữ thần có công trong chống ngoại xâm khác), v.v... thì Mẫu Liễu là vị nữ thần đầu tiên là biểu tượng cho cuộc đấu tranh vì sự độc lập văn hóa của dân tộc và cũng là biểu tượng đầu tiên về hạnh phúc bình dị của con người. Có lẽ, chính sự tàn độc của chính sách đồng hóa của nhà Minh qua hai mươi năm chiếm đóng đất nước ta (1407-1427) là một tác nhân khiến văn hóa dân tộc ta vùng dậy phản kháng mãnh liệt, để khẳng định sự bình dị, nhưng độc lập, bất khuất, trường tồn của mình, và vì thế mà tín ngưỡng Mẫu Liễu xuất hiện và song hành cùng dân tộc cho đến ngày nay. /.